

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 394 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 16 tháng 5 năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách vào làm công chức khối chính quyền cấp xã năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế thi tuyển, xét tuyển công chức;

Căn cứ Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Công văn số 09-CV/BCĐ ngày 30/5/2025 và Công văn số 12-CV/BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND và số 28/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND tỉnh;

Thực hiện các Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: số 586-KL/TU ngày 13/8/2025 về tiếp tục kiện toàn, bổ sung, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; số 07-KL/TU ngày 10/11/2025 về tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận, điều động, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức đến công tác tại các xã còn thiếu cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách cấp xã vào làm công chức khối chính quyền cấp xã năm 2026, như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cho các địa phương còn thiếu so với biên chế được giao để đáp ứng ngay yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương.

## **2. Yêu cầu**

Việc tiếp nhận công chức phải căn cứ vào tỷ lệ công chức cần bố trí theo vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; đảm bảo thực hiện nghiêm túc, công khai, công bằng, khách quan và đúng quy định của pháp luật về tiếp nhận vào làm công chức.

## **II. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

### **1. Thực trạng số lượng cán bộ, công chức**

- Số lượng biên chế công chức được giao năm 2026: 5.910 biên chế (trong đó có 520 biên chế cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã);
- Biên chế tính theo Công văn 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025: 5.730 biên chế (trong đó có 520 biên chế cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã);
- Số lượng cán bộ, công chức hiện có tính đến ngày 16/4/2026: 4.812 người;
- Biên chế còn thiếu so với quy định tại Công văn 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025: 398 biên chế.

### **2. Số lượng công chức đề nghị tiếp nhận vào công chức**

Chỉ tiêu đề nghị tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách vào làm công chức là 165 chỉ tiêu tại 63 xã, phường (có danh sách cụ thể kèm theo).

## **III. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN, NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN**

### **1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn**

Đối tượng dự tuyển là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trước ngày 01/7/2025, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

- Đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật, đang trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng, của pháp luật.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học; đáp ứng các tiêu chuẩn chức danh cần tuyển; có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm cần tuyển.

- Phải có đủ 05 năm công tác trở lên theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục và chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội 01 lần thì được cộng dồn), làm công việc có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận.

### **2. Phương thức thực hiện**

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện, văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển; nội dung sát hạch phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; hình thức sát hạch là vấn đáp; thang điểm tối đa là 100 điểm.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch quyết định thành lập Tổ thư ký, bộ phận giúp việc theo quy định.

- Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả kiểm tra, sát hạch; Sở Nội vụ ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức sau khi Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả sát hạch.

### **3. Nguyên tắc xác định người trúng tuyển**

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ kiểm tra, sát hạch phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đầy đủ hồ sơ, đúng đối tượng, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo đúng quy định.

- Có kết quả điểm sát hạch đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tiếp nhận của từng vị trí việc làm.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tiếp nhận thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

+ Áp dụng ưu tiên theo Điều 6 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;

+ Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

+ Người có thời gian công tác dài hơn (thời gian được cộng dồn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ)

+ Người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ...), phù hợp với công việc ở vị trí việc làm dự kiến tiếp nhận vào công chức.

Trường hợp vẫn chưa xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại mục này thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.

3.2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả điểm thi vấn đáp trong kỳ kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức.

3.3. Người không trúng tuyển trong kỳ kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức không được bảo lưu kết quả kiểm tra, sát hạch cho các kỳ kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức lần sau.

## **IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC**

### **1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển, gồm:**

a) Phiếu Đăng ký dự tuyển (theo Mẫu 01, Nghị định số 170/2025/NĐ-CP).

b) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo quy định hiện hành được lập trong thời hạn 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; Các văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài yêu cầu nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

d) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng;

e) Bản tự nhận xét, đánh giá của người đăng ký dự tuyển về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác.

g) Bản sao các quyết định, chuẩn y chức danh, vị trí công tác người hoạt động không chuyên trách, bản ghi quá trình công tác có tham gia bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan BHXH...

h) Bản nhận xét đánh giá của cơ quan quản lý người hoạt động không chuyên trách về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

i) 02 ảnh cỡ 4 x 6 (chụp trong vòng 6 tháng gần nhất);

j) 03 phong bì thư có dán tem (bắt buộc) và ghi rõ địa chỉ người nhận.

## **2. Nộp hồ sơ dự tuyển**

a) Hồ sơ dự tuyển được đựng trong túi bìa cứng. Mỗi thí sinh được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm.

b) Người nhận hồ sơ dự tuyển phải có giấy biên nhận hồ sơ.

**3. Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày 18/5/2026 đến ngày 22/5/2026.

## **4. Địa điểm nhận hồ sơ:**

Hồ sơ dự tuyển nộp về UBND cấp xã nơi đăng ký tiếp nhận, sau đó UBND cấp xã nộp hồ sơ về Sở Nội vụ theo thời gian thông báo nhận hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện mà UBND cấp xã không nhận hồ sơ thì người dự tuyển nộp hồ sơ về Sở Nội vụ.

## **5. Lệ phí dự tuyển**

Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí tổ chức kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức năm 2026 thực hiện theo quy định hiện hành.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

1. Trước ngày 17/5/2026: Xây dựng, ban hành Kế hoạch Kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận người hoạt động không chuyên trách vào làm công chức năm 2026.
2. Từ ngày 18/5/2026 đến ngày 22/5/2026: (i) Thông báo công khai trên Báo và Phát thanh Truyền hình Nghệ An, Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An, Website của Sở Nội vụ và niêm yết tại UBND cấp xã có chỉ tiêu tiếp nhận công chức; (ii) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Thành lập các bộ phận giúp việc của Hội đồng.
3. Từ ngày 22/5/2026 - 28/5/2026: (i) Kiểm tra tiêu chuẩn, điều kiện hồ sơ đăng ký tiếp nhận vào làm công chức; (ii) thông báo danh sách các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự sát hạch và một số nội dung khác có liên quan.
4. Trước ngày 10/6/2026: Tổ chức sát hạch tiếp nhận vào làm công chức.
5. Trước ngày 15/6/2025: Hội đồng Kiểm tra, sát hạch báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch và thực hiện các thủ tục tiếp nhận công chức đối với các trường hợp trúng tuyển.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hội đồng Kiểm tra, sát hạch**

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch gồm 5 hoặc 7 thành viên. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, Điều 4 Thông tư số 22/2025/TT-BNV ngày 19/10/2025 của Bộ Nội vụ và các quy định pháp luật hiện hành.

- Hội đồng Kiểm tra, sát hạch được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Nội vụ trong các hoạt động của Hội đồng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

### **2. Sở Nội vụ**

- Là cơ quan thường trực của Hội đồng Kiểm tra, sát hạch, có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng tổ chức kỳ kiểm tra, sát hạch theo quy định.

- Tham mưu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch; tham mưu Hội đồng thành lập các bộ phận giúp việc theo quy định.

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký sát hạch từ UBND các xã, phường; tổng hợp, lập danh sách thí sinh báo cáo Hội đồng Kiểm tra, sát hạch.

- Tham mưu việc ký hợp đồng với cơ quan, đơn vị đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn cung cấp đề thi, đáp án, tổ chức sát hạch và đơn vị cung cấp cơ sở vật chất; nội dung chi và mức chi tổ chức kiểm tra, sát hạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ công tác sát hạch theo quy định. Lập dự trù kinh phí phục vụ công tác tổ chức tiếp nhận vào làm công chức gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) trong quá trình tổ chức sát hạch theo quy định.

- Báo cáo Hội đồng Kiểm tra, sát hạch và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch. Trên cơ sở phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả kiểm tra, sát hạch; ban hành quyết định tuyển dụng đối với những người trúng tuyển.

### 3. Sở Tài chính

- Tham mưu UBND tỉnh cấp kinh phí bảo đảm để Hội đồng tuyển dụng thực hiện nhiệm vụ tổ chức kỳ kiểm tra, sát hạch do Sở Nội vụ (Cơ quan thường trực Hội đồng kiểm tra, sát hạch) đề xuất; bảo đảm kinh phí được cấp phát kịp thời, đúng tiến độ tại Kế hoạch này.

- Phối hợp hướng dẫn các nội dung chi, định mức chi liên quan đến tổ chức sát hạch theo các quy định tài chính hiện hành.

### 4. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh

- Đăng tải, phát sóng thông báo công khai Kế hoạch kiểm tra, sát hạch; danh sách thí sinh đủ điều kiện và kết quả trúng tuyển theo đúng quy định về công khai thông tin tiếp nhận vào làm công chức.

- Phối hợp với Sở Nội vụ đưa tin kịp thời các diễn biến của kỳ kiểm tra, sát hạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### 5. UBND các xã, phường

- Thông báo công khai Kế hoạch kiểm tra, sát hạch tại địa phương; chịu trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tính chính xác của thông tin trong hồ sơ đối tượng đăng ký và đề nghị tham gia kiểm tra, sát hạch. Lập danh sách kèm theo hồ sơ đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển nộp về Sở Nội vụ (Cơ quan thường trực Hội đồng kiểm tra, sát hạch).

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện các nội dung liên quan đến Kế hoạch kiểm tra, sát hạch.

- Sắp xếp, bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm đề nghị tiếp nhận sau khi có quyết định tiếp nhận công chức của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra, sát hạch để tiếp nhận vào làm công chức năm 2026. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức phản ánh trực tiếp về bộ phận Thường trực Hội đồng (Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên) để tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ, Hội đồng Kiểm tra, sát hạch công chức năm 2026 xem xét, giải quyết.

#### Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; Sở Tài chính;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND xã, phường (thực hiện);
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

**CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỪ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NĂM 2026**

*(Kèm theo Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh)*

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xã Mường Xén	32	26	6	1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực công thương	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kỹ sư công nghệ thực phẩm	
					1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
2	Xã Hữu Kiệm	32	27	5	1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân Sư phạm	
3	Xã Nậm Cấn	32	28	4	1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
4	Xã Chiêu Lưu	32	25	7	1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp	
5	Xã Mường Típ	32	26	6	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý giáo dục	
					1	Chuyên viên lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp	
6	Xã Mỹ Lý	32	13	19	1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý nhà nước	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý nhà nước	
7	Xã Keng Đu	32	16	16	1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
8	Xã Huồi Tụ	32	13	19	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý nhà nước	
9	Xã Mường Lống	32	14	18	1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý nhà nước	
10	Xã Tương Dương	34	31	3	1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Khuyến nông	
11	Xã Tam Quang	32	27	5	1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
12	Xã Lượng Minh	32	15	17	1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành quân sự	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật Kinh tế	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
13	Xã Yên Hòa	32	26	6	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
14	Xã Nga My	32	22	10	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân Sư phạm	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Thú y	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành khoa học cây trồng	
					1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
15	Xã Hữu Khuông	32	15	17	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Chính trị học	
16	Xã Nhôn Mai	32	30	2	1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
17	Xã Mậu Thạch	32	28	4	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân Sư phạm	
18	Xã Cam Phục	32	29	3	1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Chuyên ngành sư phạm	
19	Xã Con Cuông	42	41	1	1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành quân sự	
20	Xã Môn Sơn	34	30	4	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Nông học	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
21	Xã Bình Chuẩn	32	14	18	1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý Nội vụ	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Giáo dục	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Văn thư - Lưu trữ	
					1	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành công nghệ thông tin	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực y tế.	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
22	Xã Châu Khê	32	29	3	1	Chuyên viên về lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Văn hoá du lịch	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản.	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
23	Xã Yên Xuân	43	39	4	1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
24	Xã Nhân Hòa	38	34	4	1	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
25	Xã Vĩnh Tường	40	38	2	1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
26	Xã Thành Bình Thọ	32	31	1	1	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	01.003	Đại học	Chuyên ngành tài nguyên rừng và môi trường	
27	Xã Tam Hợp	50	30	20	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
28	Xã Châu Lộc	32	30	2	1	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	
29	Xã Châu Hồng	32	28	4	1	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, thủy sản; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Phát triển nông thôn và khuyến nông	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý Giáo dục	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị, vật liệu xây dựng, nhà ở, công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành kiến trúc xây dựng	
30	Xã Mường Ham	32	31	1	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân Sư phạm	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
31	Xã Mường Chông	32	28	4	1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành quản lý giáo dục	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính (lĩnh vực đất đai, xây dựng)	01.003	Đại học	Chuyên ngành quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	01.003	Đại học	Chuyên ngành Khoa học môi trường	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
32	Xã Minh Hợp	37	32	5	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Tài chính	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Báo chí truyền truyền	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	
33	Xã Quỳ Hợp	50	43	7	1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực công thương	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
34	Xã Quỳnh Văn	45	33	12	1	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực Văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành quân sự	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	
35	Xã Quỳnh Anh	50	45	5	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế, biên giới, lãnh thổ quốc gia	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
36	Xã Quỳnh Tam	50	37	13	1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
37	Xã Quỳnh Thắng	32	31	1	1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành công nghệ kỹ thuật môi trường	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
38	Xã Tân Phú	44	34	10	1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Tài chính - Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
39	Xã Tân An	38	36	2	1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Đại học Quân sự	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Đại học Lâm Nghiệp	
40	Xã Nghĩa Đồng	36	31	5	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành quân sự	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành trồng trọt	
41	Xã Giai Xuân	32	29	3	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
42	Xã Nghĩa Hành	38	35	3	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
43	Xã Tiên Đồng	35	23	12	1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	
44	Xã Cát Ngạn	38	34	4	1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân Sư phạm	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật kinh tế	
					1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	
45	Xã Tam Đồng	42	39	3	1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Chính trị học	
46	Xã Hạnh Lâm	32	30	2	1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
47	Xã Sơn Lâm	32	28	4	1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
48	Xã Kim Bảng	43	39	4	1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
49	Xã Bích Hào	49	40	9	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; phát triển nông nghiệp, phòng chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Khuyến nông và Phát triển nông thôn	
50	Xã Vân Du	41	33	8	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	01.003	Đại học	Chuyên ngành bảo quản chế biến nông sản	
					1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực Văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý văn hóa	
					1	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Báo chí tuyên truyền	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CĐ	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
51	Xã Quang Đông	38	33	5	1	Chuyên viên về lĩnh vực quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, Xây dựng	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực tư pháp	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp	
					1	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	
52	Xã Bình Minh	42	33	9	1	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, quản trị công sở	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	01.003	Đại học	Chuyên ngành khoa học cây trồng	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực kế hoạch, đầu tư, thống kê	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành quản trị nhân lực	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
53	Xã Đông Thành	47	35	12	1	Chuyên viên về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới.	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Triết học	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
54	Xã Nghĩa Khánh	41	39	2	1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành khoa học cây trồng	
55	Xã Nghĩa Lộc	41	23	18	1	Chuyên viên về lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Trồng trọt	
					1	Kế toán viên	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
56	Phường Tây Hiếu	42	39	3	1	Chuyên viên về lĩnh vực y tế.	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
57	Xã Đông Hiếu	42	39	3	1	Chuyên viên tham mưu, giúp việc Hội đồng nhân dân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	

TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
58	Xã Hải Châu	45	39	6	1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
59	Xã Yên Trung	37	34	3	1	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	01.003	Đại học	Cử nhân sư phạm	
					1	Chuyên viên thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	01.003	Đại học	Chuyên ngành Hành chính học	
60	Xã Vạn An	46	45	1	1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Luật	
61	Xã Đại Huệ	36	33	3	1	Chuyên viên về lĩnh vực văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	01.003	Đại học	Chuyên ngành Kế toán	
62	Xã Thiên Nhãn	44	42	2	1	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công nghệ thông tin	



TT	Xã/Phường	Biên chế theo Công văn 09-CV/B CD	Số lượng công chức hiện có	Số biên chế còn thiếu so với quy định	Số lượng đề nghị tiếp nhận	Vị trí việc làm	Mã ngạch	Yêu cầu trình độ, chuyên môn		Ghi chú
								Trình độ	Ngành, chuyên ngành đào tạo	
63	Xã Văn Kiêu	38	32	6	1	Chuyên viên về lĩnh vực Văn phòng	01.003	Đại học	Chuyên ngành Chính trị Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, người có công, bình đẳng giới	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công tác xã hội	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực Nội vụ	01.003	Đại học	Chuyên ngành Hành chính học	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	01.003	Đại học	Chuyên ngành Trắc địa bản đồ	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	01.003	Đại học	Chuyên ngành Công nghệ thông tin, Luật	
					1	Chuyên viên về lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	01.003	Đại học	Chuyên ngành Quản lý đất đai	
	<b>Tổng</b>	<b>2352</b>	<b>1932</b>	<b>417</b>	<b>165</b>					